

**THÔNG TƯ**  
**CỦA BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**  
***Hướng dẫn chuyển***  
***giao công nghệ nước ngoài vào Việt Nam***

*Căn cứ Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 29-12-1987 và sửa đổi bổ sung ngày 23-12-1992;*

*Căn cứ Pháp lệnh chuyển giao công nghệ nước ngoài vào Việt Nam do Hội đồng Nhà nước thông qua ngày 5-12-1988;*

*Căn cứ vào Pháp lệnh bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp do Hội đồng Nhà nước thông qua ngày 28-1-1989;*

*Căn cứ Nghị định số 49/HĐBT ngày 4-3-1991 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết việc thi hành Pháp lệnh chuyển giao công nghệ nước ngoài vào Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 18-CP ngày 16-4-1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;*

*Theo thoả thuận của các cơ quan có liên quan;*

*Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường ban hành thông tư này hướng dẫn thực hiện chuyển giao công nghệ nước ngoài vào Việt Nam;*

**I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Trong chuyển giao công nghệ các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1. "Công nghệ" là hệ thống các giải pháp được tạo nên bởi sự ứng dụng các kiến thức khoa học, được sử dụng để giải quyết một hoặc một số nhiệm vụ thực tiễn trong sản xuất kinh doanh được thể hiện dưới dạng:

Các bí quyết kỹ thuật phương án công nghệ, quy trình công nghệ, tài liệu thiết kế sơ bộ và thiết kế kỹ thuật: công thức, bản vẽ, sơ đồ, bảng, biểu: Các thông số kỹ thuật và thông tin kỹ thuật khác.

Các đối tượng sở hữu công nghiệp theo Điều 4, Chương I, Pháp lệnh bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp ngày 28-1-1989.

Các giải pháp nói trên có thể bao gồm máy móc, thiết bị có hàm chứa nội dung công nghệ.

Các dịch vụ hỗ trợ và tư vấn.

1.2. "Chuyển giao công nghệ" là một hoặc tập hợp nhiều hoạt động được tiến hành bởi hai bên. Bên giao và Bên nhận, trong đó hai bên phối hợp các hành vi pháp lý và các hành động thực tiễn mà mục đích và kết quả là Bên nhận có được và tự mình khai thác được những năng lực công nghệ xác định do Bên giao cung cấp để thực hiện một mục tiêu xác định.

2. Yêu cầu đối với công nghệ được chuyển giao vào Việt Nam.

Những yêu cầu cơ bản đã quy định trong Điều 4 của Nghị định 49-HĐBT, và được hiểu với những điều kiện sau đây:

2.1. Công nghệ tương tự không sẵn có ở Việt Nam, hoặc có nhưng Bên nhận không thể khai thác với những điều kiện thuận lợi hơn, có hiệu quả hơn:

2.2. Bên nhận công nghệ phải nắm vững và làm chủ công nghệ đó sau một thời gian, hạn nhất định.

2.3. Bên giao phải có quyền sở hữu, hoặc được uỷ quyền chuyển giao công nghệ mà Bên nhận cần.

3. Các Bên tham gia chuyển giao công nghệ được quy định tại Điều 2 Nghị định 49-HĐBT.

4. Trong trường hợp bên nhận đã biết rõ bản chất của công nghệ và có khả năng áp dụng công nghệ đó, nhưng không được phép áp dụng vì công nghệ có liên quan đến đối tượng, sở hữu công nghiệp của Bên giao đang được bảo hộ tại Việt Nam, để áp dụng. Bên nhận cần bên giao cấp giấy phép sử dụng sở hữu công nghiệp tương ứng.

5. Các nội dung chuyển giao công nghệ kèm theo nhập khẩu máy móc, thiết bị bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước phải tuân theo quy định của Thông tư này.

6. Các pháp nhân, cá nhân Việt Nam chuyển giao công nghệ vào các xí nghiệp, công ty có vốn đầu tư nước ngoài phải tuân theo quy định của Thông tư này.

## II. HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Những nội dung chính của hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được quy định tại các điều 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 của Nghị định 49-HĐBT.

Sau đây là những hướng dẫn chi tiết.

7. Mọi hoạt động chuyển giao công nghệ có tính chất thương mại, hoặc có những ràng buộc về quyền và nghĩa vụ phải được thực hiện trên cơ sở văn bản hợp đồng. Mọi thoả thuận giữa Bên giao và Bên nhận không được thể hiện trong bản bản hợp đồng đều không có giá trị pháp lý.

8. Hợp đồng mẫu về chuyển giao công nghệ có tính chất hướng dẫn tham khảo được kèm theo Thông tư này (Phụ lục 1). Hợp đồng mẫu này có tính chất bao quát cho các nội dung chuyển giao công nghệ. Tùy theo nội dung chuyển giao công nghệ cụ thể, Văn bản hợp đồng có thể liên quan đến toàn bộ hoặc một số phần của hợp đồng mẫu.

9. Những yêu cầu cơ bản của Hợp đồng chuyển giao công nghệ. Hợp đồng phải nêu rõ:

Tên các công nghệ, dịch vụ sẽ được chuyển giao cho Bên nhận:

Mục tiêu của việc chuyển giao công nghệ (ví dụ như tạo ra một loại sản phẩm hay dịch vụ mới, thay đổi quy cách, chất lượng và sản lượng sản phẩm, giảm mức tiêu hao nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng v.v...);

Nội dung công nghệ chuyển giao (theo các nội dung nêu tại Điều 3 Nghị định 49-HĐBT và phải nêu chi tiết các nội dung này);

Giá trị kinh tế và kỹ thuật của mỗi nội dung công nghệ được chuyển giao (nếu có thể xác định được);

Kết quả đạt được sau khi công nghệ đã được chuyển giao cho Bên nhận. Kết quả này phải được thể hiện rõ trong hợp đồng (hoặc một phụ lục như một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng) thông qua bảng kê:

Các đặc tính kỹ thuật, các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm và dịch vụ mà Bên nhận tạo ra trên cơ sở công nghệ đã được chuyển giao.

Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của công nghệ mà bên nhận công nghệ sẽ đạt được sau khi nhận công nghệ. Các chỉ tiêu này cũng phải phản ánh năng lực làm chủ và nắm vững công nghệ của

bên nhận. Cần có so sánh với chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của công nghệ mà Bên giao đang áp dụng.

Hiệu quả kinh tế do việc áp dụng công nghệ được chuyển giao:

Chi phí, giá cả, điều kiện và phương thức thanh toán để đạt được các mục tiêu, kết quả của chuyển giao công nghệ đã nêu trên.

Thời hạn hiệu lực, điều kiện sửa đổi và kết thúc Hợp đồng;

Các cam kết về chất lượng, bảo đảm bảo hành;

Việc đào tạo liên quan đến chuyển giao công nghệ;

Thủ tục giải quyết tranh chấp, luật áp dụng.

#### 10. Các bên ký hợp đồng

Hợp đồng phải ghi rõ tên đầy đủ, địa chỉ của hai bên (giao và nhận) theo đúng tên và địa chỉ đăng ký, sau đó nếu cần thì ghi thêm tên gọi tắt. Phải ghi chính xác tên của công ty và người đại diện có thẩm quyền trực tiếp ký hợp đồng, chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm ghi trong hợp đồng.

#### 11. Các điều khoản về sở hữu công nghiệp:

Nếu nội dung hợp đồng chuyển giao công nghệ mà có các điều kiện về sở hữu công nghiệp thì phần sở hữu công nghiệp phải được xây dựng thành một hợp đồng độc lập hoặc một phần riêng biệt trong hợp đồng chuyển giao công nghệ, và tuân theo các quy định pháp luật về sở hữu công nghiệp và chuyển giao công nghệ.

12. Hợp đồng chuyển giao công nghệ, ngoài các điều khoản về sở hữu công nghệ, còn bao gồm việc chuyển giao bí quyết kỹ thuật, thông tin công nghệ, trợ giúp kỹ thuật... được thực hiện qua ba phương thức chính: cung cấp tài liệu kỹ thuật; đào tạo, các dịch vụ hỗ trợ và tư vấn kỹ thuật. Hợp đồng chuyển giao công nghệ có thể có đủ ba nội dung hoặc chỉ một hoặc hai nội dung nêu trên.

12.1. Tài liệu kỹ thuật là các thiết kế, quy trình, công thức, chỉ dẫn, hướng dẫn, bản vẽ v.v... thể hiện công nghệ được chuyển giao. Danh mục các tài liệu kỹ thuật được chuyển giao được nêu trong Điều 4.1 của Hợp đồng mẫu. Hợp đồng phải ghi chi tiết tên các loại tài liệu sẽ được chuyển giao.

12.2. Việc đào tạo phải giúp cho Bên nhận nắm vững và làm chủ công nghệ trong một thời hạn nhất định.

Chương trình đào tạo phải bao gồm mọi kỹ thuật và thông tin cần thiết để sản xuất sản phẩm phù hợp với chỉ tiêu kỹ thuật đã xác định. Chương trình đào tạo còn phải nêu rõ số lượng công nhân, cán bộ kỹ thuật với các ngành nghề được đào tạo. Vì thế, trên cơ sở chương trình đào tạo của bên giao. Bên nhận công nghệ cần chủ động đề xuất thêm những nội dung của chương trình này cho phù hợp với điều kiện của mình.

Hợp đồng phải quy định chi tiết các điều khoản về đào tạo theo nội dung hướng dẫn trong Điều 4.2 của hợp đồng mẫu.

Trong hợp đồng đào tạo, cần ghi rõ số lượng, trình độ chuyên môn và kinh nghiệm của các hướng dẫn viên. Hợp đồng cũng cần quy định rõ cam kết của các bên nhằm đạt được mục tiêu của việc đào tạo, ví dụ: Cam kết về trình độ, kỹ năng mà người được đào tạo sẽ có được sau khi kết thúc chương trình đào tạo.

Sau khi kết thúc chương trình đào tạo. Bên giao phải kiểm tra và cấp cho các học viên một chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo. Mẫu chứng chỉ được kèm theo thông tư này và phải cấp cho từng học viên.

Cần nêu chi phí cho từng khoản mục đào tạo.

12.3. Các dịch vụ hỗ trợ và tư vấn kỹ thuật:

Đối với việc xây dựng các cơ sở sản xuất, việc giúp đỡ kỹ thuật phải được.

Bên giao thực hiện từ lúc bắt đầu cho đến lúc kết thúc hợp đồng, nhưng cần đặc biệt lưu ý đến ba giai đoạn chính là:

1. Giai đoạn trước khi chạy thử;
2. Giai đoạn chạy thử: và
3. Giai đoạn sản xuất chính thức.

Việc giúp đỡ kỹ thuật phải được quy định chi tiết trong hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng.

Đối với những hình thức dịch vụ hỗ trợ và tư vấn như lựa chọn công nghệ, đổi mới công nghệ, nghiên cứu, phân tích, đánh giá, nghiên cứu khả thi và tiền khả thi, tư vấn về quản lý công nghệ, thực hiện các dịch vụ về thu thập, xử lý và cung cấp thông tin về thị trường công nghệ, tài nguyên môi trường v.v... việc giúp đỡ kỹ thuật phần lớn được thực hiện thông qua